TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 – 2025
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Tuyết Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh ngày: 26/5/1980 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Lương Thị Q**, sinh năm: 1978 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2024 và tại bản khai ý kiến ngày 06/01/2025 ông Nguyễn Tấn T1 bày:

- Về mối quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lương Thị Q1 quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới ông và bà Q2 chung gia đình cha mẹ ruột của ông. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cải, không có tiếng nói chung nên tình cảm dần phai nhạt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông và bà

Q đã không còn sống chung với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Nay ông cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được vì ông và bà Q sống chung với nhau từ năm 1997 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Q là vợ chồng.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 27/12/1998; Nguyễn Tấn L ngày 22/02/2001 và Nguyễn Ngọc Huỳnh A, sinh ngày 15/9/2004. Anh Đanh L1 chị Huỳnh A đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Lương Thị Q có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản khai ý kiến ngày 02/01/2025 bà Lương Thị Q3 bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông T về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, phải thu phải trả. Nay ông T2 cầu Tòa án không công nhận ông T3 bà là vợ chồng thì bà đồng ý.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 27/12/1998; Nguyễn Tấn L ngày 22/02/2001 và Nguyễn Ngọc Huỳnh A, sinh ngày 15/9/2004. Anh Đanh L1 chị Huỳnh A đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự giữa nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T và bị đơn bà Lương Thị Q, bà Q có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh LongTheo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn ông T3 bị đơn bà Q có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông T3 bị đơn bà Q4

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xác nhận ngày 02/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Longthì qua tra cứu sổ hộ tịch và dữ liệu hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã H tìm thấy thông tin về việc ông Nguyễn Tấn T3 bà Lương Thị Q5 ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Q là quan hệ

hôn nhân không hợp pháp do ông T và bà Q không có đăng ký kết hôn. Ông ông T và bà Q có tổ chức lễ cưới vào năm 1997, ông bà chung sống hạnh phúc được 13 năm đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cải, không có tiếng nói chung nên tình cảm dần phai nhạt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông T và bà Q đã không còn sống chung với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Nay ông T2 cầu Tòa án không công nhận ông T3 bà Q6 vợ chồng thì bà Q7 ý. Xét yêu cầu của ông T là có cơ sở để chấp nhận vì ông T3 bà Q8 sống với nhau từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không có giá trị pháp lý, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông T3 bà Q6 vợ chồng hợp pháp.

[3] Về con chung: Ông T và bà Q có ba người con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 27/12/1998; Nguyễn Tấn L ngày 22/02/2001 và Nguyễn Ngọc Huỳnh A, sinh ngày 15/9/2004. Anh Đanh L1 chị Huỳnh A đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông T và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông T phải nộp án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Q không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Tấn T và bà Lương Thị Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Tấn T và bà Lương Thị Q có ba người con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 27/12/1998; Nguyễn Tấn L ngày 22/02/2001 và Nguyễn Ngọc Huỳnh A, sinh ngày 15/9/2004. Anh Nguyễn Tấn Đ, anh Nguyễn Tấn L2 và chị Nguyễn Ngọc Huỳnh A đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Ông Nguyễn Tấn T và bà Lương Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Buộc ông Nguyễn Tấn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0009715 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Ông Nguyễn Tấn T4 nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Bà Lương Thị Q không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Quyên

Nơi nhận:
- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Hiếu Phụng;
- Các đương sự;
- Lưu.